

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ số: 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 372/TTr-STNMT ngày 12 /3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

¹ Tra cứu nội dung thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <http://dichvucong.gov-tthc-thu-tuc-hanh-chinh.htm>

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi

Sửa đổi 01 thủ tục hành chính được UBND tỉnh ban hành ban hành tại Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 về việc công bố danh mục THHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung được sửa đổi, bổ sung												
	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo (1.004217.000.00.00.H56)	- Thời hạn giải quyết: không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (một phần)	<p>I. Phí thẩm định: Theo quy định tại mục 8 Chương I Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7, cụ thể:</p> <p>1. Đối tượng nộp phí: Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản có nhu cầu thực hiện đăng ký cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>2. Mức thu:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ</td> <td>850.000</td> <td>1.100.000</td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: right;"><i>đồng/hồ sơ (giấy)</i></p>	TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		Đất	Đất và tài sản	1	Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ	850.000	1.100.000	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 (5) Thông tư số 24/2014/TTBTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TTBTNMT	- Thành phần hồ sơ - Mẫu đơn - Căn cứ pháp lý.
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)															
			Đất	Đất và tài sản														
1	Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Hồ sơ	850.000	1.100.000														

	<p>nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm</p>		2	<p>Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p>	Hồ sơ	510.000	660.000	<p>ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TTBTNMT ngày 30/6/2021 (8) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 (9) Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 (10) Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</p>																
			<p>3. Phương thức nộp phí: Đối tượng nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>II. Lệ phí: Theo quy định tại mục 4 Chương 2, Nghị quyết số 289/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 7, cụ thể:</p> <p>1. Đối tượng nộp lệ phí: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được uỷ quyền giải quyết các công việc về địa chính.</p> <p>2. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>đồng/hồ sơ (giấy)</i></p> <table border="1" data-bbox="817 790 1713 1348"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả đất và tài sản trên đất)</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Cấp mới Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</td> <td>200.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>3. Phương thức nộp lệ phí: Đối tượng nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất</p>					TT	Nội dung	Mức thu	1	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	30.000	2	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả đất và tài sản trên đất)	600.000	3	Cấp mới Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)	200.000	4	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000		
TT	Nội dung	Mức thu																						
1	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	30.000																						
2	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả đất và tài sản trên đất)	600.000																						
3	Cấp mới Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)	200.000																						
4	Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	30.000																						

		<p>việc.</p> <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		<p>thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.</p> <p>Trường hợp phải trích đo địa chính: Mức thu theo quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p>		
--	--	---	--	--	--	--